

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 2/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cống Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời hửng nắng, t° = 15°C, độ ẩm 38%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy xiết, đập đang xả nước.	Nước màu xanh trong.	7.81	29.9	7.63	0.1	0.692	0.430	150	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời hửng nắng, t° = 15°C, độ ẩm 40%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy vừa.	Nước màu nâu đục.	7.89	52	7.7	0.1	0.738	0.495	180	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
3	3	Cổng điều tiết Kè Sơn	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 52%, gió Bắc 3 km/h. Dòng chảy vừa, cống mở 2 cánh.	Nước màu xanh lục.	8.55	8.1	8.01	0.2	2.020	0.538	282	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng Quang Hiến	Trời hửng nắng, t° = 18°C, độ ẩm 32%, gió Đông 3 km/h. Dòng chảy nhanh, cống mở 2 cửa.	Nước màu xanh lục.	8.55	7.4	7.41	0.2	1.127	0.432	291	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu)	Trời hửng nắng, t° = 18°C, độ ẩm 35%, gió Đông 3 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở.	Nước màu xanh lục.	8.78	8.8	7.89	0.2	0.987	0.763	266	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		công điều tiết Hòa Mỹ)										Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Cầu K5	Trời nắng, t° = 17°C, độ ẩm 31%, gió TN 6 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn.	Nước màu xanh.	8.5	12.5	7.2	0.2	0.637	0.722	292	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Kênh T19 (cuối kênh Tây)	Trời hửng nắng, t° = 18°C, độ ẩm 36%, gió Đông 3 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	8.2	60	0	0.5	184.149	0.196	432	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Kênh Tô Ròng	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 51%, gió Bắc 3 km/h.	Nước xanh	8.68	3.7	7.45	0.2	0.676	1.004	309	Đủ điều kiện dùng cho tưới

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
		(đầu kênh Giữa)	Công mở, dòng chảy chậm.	trong.								tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Kênh Kè Hoàn	Trời hửng nắng, t° = 18°C, độ ẩm 38%, gió TTN 3 km/h. Dòng chảy vừa, công mở.	Nước màu xanh lục.	8.7	3.6	7.43	0.2	0.699	0.556	268	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Kênh Hà Vang	Trời hửng nắng, t° = 17°C, độ ẩm 32%, gió Nam 3 km/h. Dòng chảy nhanh, công mở 2 cánh. Dưới đáy kênh nhiều rác thải.	Nước màu xanh trong.	8.96	3.7	8.4	0.2	0.365	0.587	264	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Kênh Thái Đào	Trời hửng nắng, t° = 17°C, độ ẩm 35%, gió Nam 3	Nước màu	8.65	11.8	8.46	0.2	0.311	0.556	267	Đủ điều kiện dùng cho tưới

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			km/h. Dòng chảy vừa, công mở 1 cánh.	xanh lục.								tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời hửng nắng, t° = 17°C, độ ẩm 30%, gió Nam 3 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp. Nhiều rác thải ở dưới kênh.	Nước màu xanh.	8.46	21.8	7.56	0.2	0.179	0.587	272	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 30%, gió Nam 6 km/h.	Nước màu xanh trong.	8.85	3.3	6.7	0.2	1.189	0.693	262	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
14	14	Kênh Hà Phú	Trời hửng nắng, t° = 18°C, độ ẩm 29%, gió TN 6 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	8.68	5	6.82	0.2	2.486	0.668	271	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời hửng nắng, t° = 17°C, độ ẩm 33%, gió Nam 3 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh xám, đục.	8.09	15.6	6.35	0.2	0.412	0.882	286	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Trời nhiều mây, t° = 12°C, độ ẩm 50%, gió Bắc 3 km/h. Trạm bơm đang hoạt động, dòng chảy vừa. Trên kênh đang thi công đường ống nước.	Nước màu xanh.	8.42	8.5	7.2	0.2	0.971	0.540	280	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)_N	Nitrat (mg/l)_N	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												động, thực vật thủy sinh.
17	17	Kênh V8	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 30%, gió TN 6 km/h. Dòng chảy chậm, nước cạn.	Nước màu xanh nhạt.	7.96	7.6	6.2	0.2	1.010	0.743	272	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Kênh V12 (cuối kênh)	Trời nắng, t° = 18°C, độ ẩm 32%, gió Nam 6 km/h. Không có dòng chảy. Trên kênh nhiều rác thải.	Nước màu xám đục.	7.73	42.2	4.16	0.3	0.816	0.713	417	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.